1. Tham chiếu

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số | Tài liệu | Phiên bản | Tác giả | Mô tả |
| 1 | Đặc tả yêu cầu hệ thống | 1.0 | Tú phạm | Mô tả hiện trạng hệ thống phòng quản lý khách sạn |

1. Thông tin tài liệu

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số | Tài liệu | Nội dung cập nhật | Phiên bản | Tác giả | Mô tả |
| 2 | Phân tích chức năng | Khởi tạo | 1.0 | Nguyễn Văn Hòa | Phân tích chức năng cho hệ thống quản lý khách sạn |

1. Mô hình use case



.Mô hình usercase tổng quát



.Mô hình user case đặt phòng



.UseCase thông báo



.UseCase nhận phòng



. UseCase quản lý phòng



. UseCase quản lý thiết bị

. UseCase quản lý nhân viên

. UseCase báo cáo



. UseCase thống kê



. UseCase dịch vụ



. UseCase khách hàng



. UseCase phân công



.UseCase hủy đặt phòng



.UseCase đăng xuất

1. Mô tả user case
   1. Chọn phòng đã được đặt

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_DP\_01 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Chon phong |
| Mô tả | Lựa chọn phòng để có thể thực hiện các chức năng như: thêm thông tin, xóa đặt phòng, … |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên quản lý đặt phòng |
| Hậu điều kiện | Phòng được chọn thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình chọn phòng 2. Lựa chọn phòng 3. Kiểm tra thông tin lựa chọn 4. Nếu hợp lệ thì chọn 5. Thông báo lựa chọn thành công |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu chọn không thành công   1. Thông báo chọn không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chuyển phòng đã được đặt

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_DP\_02 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Chuyen phong |
| Mô tả | Chuyển một phòng khách hàng đã đặt sang một phòng chưa được đặt khác |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên quản lý đặt phòng |
| Hậu điều kiện | Chuyển phòng thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình chuyển phòng 2. Lựa chọn phòng cần chuyển đi 3. Kiểm tra thông tin phòng cần chuyển có được chuyển hay không 4. Nếu hợp lệ thì chọn phòng cần chuyển tới 5. Kiểm tra phòng chuyển tới có cho phép không 6. Thông báo lựa chọn thành công |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu phòng chuyển đi không thành công   1. Thông báo không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính.   Nếu phòng chuyển tới không thành công   1. Thông báo chuyển không thành công 2. Quay lại bước 4 ở luồng sự kiện chính |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng đặt phòng

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_DP\_03 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Dat phong |
| Mô tả | Nhân viên nhận yêu cầu đặt phòng của khách hàng, ghi nhận các thông tin đặt phòng và thực hiện đặt phòng |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên quản lý đặt phòng |
| Hậu điều kiện | Đặt phòng thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình đặt phòng 2. Ghi nhận các thông tin của khách hàng 3. Kiểm tra thông tin đặt phòng 4. Nếu hợp lệ thì đặt phòng 5. Thông báo đặt phòng thành công |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu đặt phòng không thành công   1. Thông báo đặt phòng không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng tìm kiếm

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_DP\_04 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Tim kiem |
| Mô tả | Nhân viên tìm kiếm thông tin đặt phòng để thực hiện các chức năng như: Xóa, sửa đặt phòng, … |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên quản lý đặt phòng |
| Hậu điều kiện | Tìm kiếm thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình tìm kiếm 2. Điền thông tin tìm kiếm 3. Kiểm tra thông tin tìm kiếm và tìm 4. Nếu hợp lệ và có thông tin thì xuất thông tin ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu không tìm thấy thông tin   1. Thông báo không tìm thấy thông tin như yêu cầu 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng xem thông tin đặt phòng

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_DP\_05 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Xem thong tin phong |
| Mô tả | Nhân viên xem thông tin phòng để có thể thực hiện thêm các chức năng như: sửa, xóa thông tin đặt phòng, … |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên quản lý đặt phòng |
| Hậu điều kiện | Xem được thông tin đặt phòng |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình xem thông tin đặt phòng 2. Lựa chọn phòng đã được đặt để xem thông tin 3. Kiểm tra 4. Nếu có thông tin thì xuất thông tin ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu không tìm thấy thông tin   1. Thông báo không tìm thấy thông tin như yêu cầu 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng thêm hành lý

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_NP\_01 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Them hanh ly |
| Mô tả | Nhân viên thêm yêu cầu kí gửi hành lý của khách hàng khi khách hàng đến nhận phòng |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên lễ tân |
| Hậu điều kiện | Thêm kí gửi hành lý thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình thêm hành lý 2. Thêm các thông tin cần thiết 3. Kiểm tra 4. Nếu thêm thành công thì xuất thông báo ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu thêm không thành công   1. Thông báo thêm không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Thêm thông tin khi khách hàng nhận phòng

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_NP\_02 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Them thong tin |
| Mô tả | Nhân viên thêm thông tin của khách hàng khi khách hàng đến nhận phòng |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên lễ tân |
| Hậu điều kiện | Thêm thông tin thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình thêm thông tin 2. Thêm các thông tin cần thiết 3. Kiểm tra 4. Nếu thêm thành công thì xuất thông báo ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu thêm không thành công   1. Thông báo thêm không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Tìm kiếm thông tin khi khách hàng đến nhận phòng

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_NP\_03 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Tim kiem |
| Mô tả | Nhân viên tìm kiếm thông tin khi khách hàng đến nhận phòng |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên lễ tân |
| Hậu điều kiện | Tìm kiếm thông tin thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình tìm kiếm thông tin 2. Điền thông tin cần tìm kiếm 3. Kiểm tra 4. Nếu tìm kiếm thành công thì xuất thông tin ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu tìm kiếm không thành công   1. Thông báo tìm kiếm không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng xem thông tin khi khách hàng đến nhận phòng

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_NP\_04 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Xem thong tin |
| Mô tả | Nhân viên xem thông tin khi khách hàng đến nhận phòng để có thể thực hiện thêm các chức năng như: sửa, xóa thông tin, … |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên lễ tân |
| Hậu điều kiện | Xem được thông tin đặt phòng, khách hàng, … |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình xem thông tin 2. Lựa chọn phòng để xem thông tin 3. Kiểm tra 4. Nếu có thông tin thì xuất thông tin ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu không tìm thấy thông tin   1. Thông báo không tìm thấy thông tin như yêu cầu 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng lọc phân công

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_PC\_01 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Loc phan cong |
| Mô tả | Nhân viên thực hiện lọc phân công theo một định dạng nào đó để thực hiện các chức năng theo yêu cầu như: xem thông tin, sửa phân công, … |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên phân công công việc |
| Hậu điều kiện | Lọc phân công thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình lọc phân công 2. Lựa chọn phương thức lọc 3. Kiểm tra 4. Nếu lọc thành công thì xuất thông tin lọc ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu lọc không thành công   1. Thông báo lọc không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng lựa chọn đối tượng phân công

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_PC\_02 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Lua chon doi tuong phan cong |
| Mô tả | Nhân viên thực hiện lựa chọn đối tượng phân công để có thể phân công các công việc cần các nhân viên làm theo một nhóm, để thực hiện phân công một cách nhanh nhất |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên phân công công việc |
| Hậu điều kiện | Lựa chọn đối tượng phân công thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình lựa chọn đối tượng phân công 2. Lựa chọn phân công 3. Kiểm tra 4. Nếu phân công cho phép phân công thì lựa chọn đối tượng phân công 5. Xuất thông báo phân công thành công |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu lựa chọn phân công không thành công   1. Thông báo lựa chọn không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính.   Nếu lựa chọn đối tượng phân công không thành công   1. Thông báo lựa chọn không thành công 2. Quay lại bước 4 ở luồng sự kiện chính |
| Activity Diagram |  |

* 1. Sửa phân công

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_PC\_03 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Sua phan cong |
| Mô tả | Nhân viên thực hiện sửa các phân công đã được tạo |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên phân công công việc |
| Hậu điều kiện | Sửa thành công phân công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình sửa phân công 2. Lựa chọn phân công cần sửa 3. Kiểm tra 4. Nếu phân công cho phép sửa phân công thì lựa chọn đối tượng phân công 5. Sửa các thông tin cần sửa 6. Xuất thông báo phân công thành công |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu lựa chọn phân công không thành công   1. Thông báo lựa chọn không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính.   Nếu sửa phân công không thành công   1. Thông báo sửa không thành công 2. Quay lại bước 5 ở luồng sự kiện chính |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng thêm phân công

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_PC\_04 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Them phan cong |
| Mô tả | Nhân viên thực hiện thêm một phân công |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên phân công công việc |
| Hậu điều kiện | Thêm thành công phân công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình thêm phân công 2. Nhập các thông tin cần thiết 3. Kiểm tra 4. Xuất thông báo thêm phân công thành công |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu thêm phân công không thành công   1. Thông báo thêm không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng tìm kiếm một phân công

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_PC\_05 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Tim kiem |
| Mô tả | Nhân viên tìm kiếm thông tin một phân công |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên |
| Hậu điều kiện | Tìm kiếm thông tin thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình tìm kiếm thông tin 2. Điền thông tin cần tìm kiếm 3. Kiểm tra 4. Nếu tìm kiếm thành công thì xuất thông tin ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu tìm kiếm không thành công   1. Thông báo tìm kiếm không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng xem một phân công

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_PC\_06 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Xem phan cong |
| Mô tả | Nhân viên xem một phân công để biết thông tin hoặc nếu có quyền thì có thể thì thực hiện thao tác: thêm, xóa, sửa, … |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên hoặc nhân viên quản lý phân công |
| Hậu điều kiện | Xem được thông tin phân công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình xem thông tin phân công 2. Lựa chọn phân công để xem thông tin 3. Kiểm tra 4. Nếu có thông tin thì xuất thông tin ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu phân công không được phép xem   1. Thông báo phân công không xem được 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng xóa phân công

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_PC\_07 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Xoa phan cong |
| Mô tả | Nhân viên xóa một phân công đã được tạo |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên quản lý phân công |
| Hậu điều kiện | Xóa thành công một phân công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình xóa phân công 2. Lựa chọn phân công cần xóa 3. Kiểm tra 4. Nếu xóa thành công thì xuất thông báo xóa thành công |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu phân công không được phép xóa   1. Thông báo phân công không xóa được 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng lọc thông báo

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_TB\_01 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Loc thong bao |
| Mô tả | Nhân viên thực hiện lọc thông báo theo một định dạng nào đó để có thể xem hoặc nếu có quyền thì thực hiện các chức năng theo yêu cầu như: xóa thông báo, sửa thông báo, … |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên hoặc nhân viên quản lý thông báo |
| Hậu điều kiện | Lọc thông báo thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình lọc thông báo 2. Lựa chọn phương thức lọc 3. Kiểm tra 4. Nếu lọc thành công thì xuất thông tin lọc ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu lọc không thành công   1. Thông báo lọc không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng lựa chọn đối tượng nhận thông báo

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_TB\_02 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Lua chon doi tuong nhan thong bao |
| Mô tả | Nhân viên thực hiện lựa chọn đối tượng nhận thông báo để có thể bảo mật thông tin thông báo, để thông báo có thể đi đúng đối tượng |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên quản lý thông báo |
| Hậu điều kiện | Lựa chọn đối tượng nhận thông báo thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình lựa chọn thông báo 2. Lựa chọn thông báo 3. Kiểm tra 4. Nếu thông báo cho phép lựa chọn đối tượng nhận thông báo thì lựa chọn đối tượng nhận thông báo 5. Xuất thông báo thành công |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu lựa chọn thông báo không thành công   1. Thông báo lựa chọn không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính.   Nếu lựa chọn đối tượng nhận thông báo không thành công   1. Thông báo lựa chọn không thành công 2. Quay lại bước 4 ở luồng sự kiện chính |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng sửa thông báo

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_TB\_03 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Sua thong bao |
| Mô tả | Nhân viên thực hiện sửa một thông báo đã được tạo |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên quản lý thông báo |
| Hậu điều kiện | Sửa thông báo thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình sửa thông báo 2. Lựa chọn thông báo 3. Kiểm tra 4. Nếu thông báo cho phép sửa thì thực hiện sửa các thông tin cần thiết 5. Xuất thông báo sửa thành công |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu lựa chọn thông báo không thành công   1. Thông báo lựa chọn không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính.   Nếu sửa thông báo không thành công   1. Thông báo sửa không thành công 2. Quay lại bước 4 ở luồng sự kiện chính |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng xem thông báo

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_TB\_04 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Xem thong bao |
| Mô tả | Nhân viên thực hiện xem một thông báo đã được tạo hoặc nếu có quyền thì có thể thực hiện các thao tác trên đó |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên quản lý thông báo hoặc nhân viên |
| Hậu điều kiện | Xem thông báo thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình xem thông báo 2. Lựa chọn thông báo 3. Kiểm tra 4. Xuất thông báo |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu lựa chọn thông báo không thành công   1. Thông báo lựa chọn không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng thêm thông báo

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_TB\_05 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Them thong bao |
| Mô tả | Nhân viên thực hiện thêm một thông báo |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên quản lý thông báo |
| Hậu điều kiện | Thêm thông báo thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình thêm thông báo 2. Nhập các thông tin cần thiết 3. Kiểm tra 4. Xuất thông báo thêm thành công |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu thêm thông báo không thành công   1. Thông báo thêm thông báo không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng tìm kiếm thông báo

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_TB\_06 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Tim kiem |
| Mô tả | Nhân viên tìm kiếm một thông báo nào đó |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên |
| Hậu điều kiện | Tìm kiếm thông báo thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình tìm kiếm thông tin 2. Điền thông tin cần tìm kiếm 3. Kiểm tra 4. Nếu tìm kiếm thành công thì xuất thông tin ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu tìm kiếm không thành công   1. Thông báo tìm kiếm không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng xóa thông báo

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_TB\_07 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Xóa thông báo |
| Mô tả | Nhân viên xóa một thông báo nào đó |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên quản lý thông báo |
| Hậu điều kiện | Xóa thông báo thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình xóa thông báo 2. Lựa chọn thông báo cần xóa 3. Kiểm tra 4. Xuất thông báo xóa thành công ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu xóa không thành công   1. Thông báo xóa không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |